

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Công Lâm;
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:*
Không.

Ngày 30/3/2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST - HNGĐ ngày 15/01/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST - HNGĐ ngày 12/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu A, thị trấn TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã TP, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị H có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2021, tại bản tự khai ngày 15/01/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đức M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 23/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, sinh hoạt gia đình thường xuyên cãi nhau, vợ chồng chửi bới xúc phạm lẫn nhau, hai bên không quan tâm gì đến nhau, Từ tháng 11 năm 2020 vợ chồng đã ly thân nhau, hiện chị đã về nH bố mẹ đẻ ở xã Thiệu

Phú, huyện Thiệu Hóa sinh sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, chị H đề nghị được ly hôn anh Trần Đức M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 06/01/2017. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2021, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Đức M trình bày: Anh Trần Đức M và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 23/12/2015, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình, bản thân anh cũng chia sẻ trao đổi những khúc mắc để hai bên nhìn nhận điều chỉnh những thiếu sót, nhưng chị H không có thiện chí cải thiện tình cảm mà tự ý dọn đồ và bế con về ngoại sinh sống từ ngày 11/01/2021; Anh M thấy tình cảm vợ chồng đang còn, chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị H, nếu chị H để anh nuôi con thì anh đồng ý ly hôn với chị H, tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn với chị H;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 06/01/2017; Nếu vợ chồng ly hôn anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đức M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn được hai bên thừa nhận, thời gian mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2019; Hai bên đã sống ly thân, chị H bỏ về nH bố mẹ đẻ ở, vụ án Tòa án giải quyết cũng đã có thời gian dài cho hai bên Hn gần, đoàn tụ, Tòa án tổ chức 02 phiên hòa giải nhưng anh chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến Hn hòa giải nữa, hiện tại mỗi người một nơi, không nói chuyện được với nhau, quan điểm của anh M về ly hôn là không rõ ràng, không tha thiết níu kéo, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, trước khi chị H nộp đơn ly hôn thì giữa anh M và chị H cũng đã làm đơn xin ly hôn có chữ ký của hai bên; Quá trình giải quyết vụ án anh M chỉ đồng ý ly hôn nếu chị H đồng ý giao cho anh M nuôi con chung, tại phiên tòa anh M đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H vẫn một mực kiên quyết xin được ly hôn anh M;

Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh M là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 06/01/2017; Chị H xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Trần Khánh L có ghi họ tên bố là anh Trần Đức M, họ tên mẹ là chị Nguyễn Thị H, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Trần Khánh L là con chung của chị H và anh M. Chị H và anh M đều có mong muốn được nuôi con chung sau khi ly hôn; Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên là chính đáng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại chị H là nhân viên Điều dưỡng làm việc tại Bệnh viện Đa khoa Đại An có thu nhập ổn định 8.000.000đ/tháng (Tám triệu đồng trên tháng), anh M không có công việc và thu nhập ổn định; Thấy rằng chị H đi làm dẫu cũng có những thiệt thòi nhất định, khi ly hôn chị H không yêu cầu gì về kinh tế mà chỉ có mong muốn duy nhất là được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn, để đảm bảo quyền lợi của chị H, hơn nữa cháu L là nữ giới hiện cháu mới hơn 04 tuổi, giao cháu L cho chị H sẽ thuận tiện hơn cho việc chăm sóc cháu, việc khó khăn về chỗ ở là khắc phục được; Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu L theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh M phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Đức M.
2. Về con chung: Giao con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 06/01/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Đức M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Anh M có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị

H đã nộp là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2018/0007386 ngày 15/01/2021 tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị H đã nộp đủ án phí. Buộc anh Trần Đức M phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, được thi Hình theo quy định tại Điều 2 luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thoả thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi Hình án dân sự (để thi Hình);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Lâm

Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi Hành án dân sự (để thi Hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

